

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08 /2023/HNGĐ - ST**
Ngày: 06-3-2023
V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc Lý
2. Ông Hà Đồng Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191 /2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu H** – sinh năm: 1992– Nơi cư trú: 304/1 Đ, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoài T** - Sinh năm: 1997– Địa chỉ: Phòng 412 khu B chung cư B, đường D, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022, bản tự khai ngày 16/01/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T quen nhau năm 2021, đến ngày 08/5/2022 có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình và tổ chức tiệc cưới tại nhà hàng tiệc cưới E số 05 D, quận H, Đà Nẵng tuy nhiên ông bà chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi tổ chức đám cưới thì phát sinh mâu thuẫn ngay trong ngày đầu tiên do bà T bỏ đi chơi với bạn bè không về, sau khi nhậu nhẹt say xỉn bà T về chửi bới và đánh ông, hai bên không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, bất đồng quan điểm, hôn nhân xuất phát không từ tình yêu. Đến ngày thứ ba thì bà T mang tiền, vàng cưới bỏ về nhà mẹ đẻ sống, ông điện thoại yêu cầu gặp mặt nói chuyện thì bà T trốn tránh, không gặp. Nay ông H xác định không còn yêu thương với bà T nữa đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà T.

- Về con chung: Ông H xác định không có

- **Về tài sản chung:** Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 ông H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hai ông bà là tiền, vàng cưới là 243.200.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 13/01/2023 ông H có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung nêu trên.

- **Về nợ chung:** Ông H xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hoài T vắng mặt nhưng có ý kiến tự khai như sau:

Ông H và bà thông qua sự giới thiệu của gia đình nên sau đó quyết định tổ chức đám cưới vào ngày 08/5/2022 dưới sự chứng kiến hai bên gia đình và tổ chức tiệc cưới tại nhà hàng tiệc cưới E số 05 D, quận H, Đà Nẵng nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Ngày đám cưới bà phát hiện ông H hay đi nói xấu bà và gia đình bà nên có cãi vã vào sáng hôm đó, Sau khi cưới xong thì hai bên xảy ra cãi vã, bà đánh ông H trước mặt bạn bè, nhiều mâu thuẫn xảy ra do không có tin tưởng nhau, ông H ghen tuông vô cớ, tinh thần không ổn định. Ngày 10/5/2022 bà bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Bà T xác định ông bà cưới nhau vì sự sắp đặt của gia đình chứ không xuất phát từ tình yêu. Nay ông H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H thì bà T đồng ý.

Về con chung: Bà T xác định không có

Về tài sản chung: Bà xác định trước khi về nhà mẹ đẻ sống bà đã để lại toàn bộ tiền, vàng cưới cha mẹ ông H cho, các chi phí nhà hàng, chụp ảnh...Do đó hiện nay ông H và bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: bà T xác định không có

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, Điều 14, 53 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Nguyễn Thị Hoài T.

Về con chung: Ông H, bà T xác định không có

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T xác định không có. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “không công nhận quan hệ vợ chồng”

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoài T có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình và tổ chức tiệc cưới tại nhà hàng nhà hàng tiệc cưới E vào ngày 08/5/2022 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác qua tiến hành xác minh tại UBND phường N, quận S và UBND phường C, quận T nơi bà T và ông H cư trú được cung cấp: ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoài T không có thông tin đăng ký kết hôn tại UBND phường. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoài T.

[2.2] Về con chung: ông H, bà T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 ông H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hai ông bà là tiền, vàng cưới là 243.200.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 13/01/2023 ông H có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung nêu trên. Còn bà T xác định không có do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.4] Về nợ chung: ông H, bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu H đối với bà Nguyễn Thị Hoài T

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Hoài T

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Hữu H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.340.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số 0006589 ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền 3.040.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh